

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2020

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Hữu Như

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Kim Liên

Bà Lương Thị Thúy Lan

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1962/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Tiến Bộ, phường Lương S, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn:** Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965/ vắng mặt lần thứ hai.

HKTT: Tổ 3, phường Tân Thành, Tp Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường Lương S, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày: Ông và bà Phạm Thị T kết hôn năm 1986, đăng ký tại UBND xã Lương S thành phố Thái Nguyên (nay là phường Lương S, thành phố Sông Công), tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng ông kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó quan hệ vợ chồng rạn nứt nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng quan

điểm trong nhiều lĩnh vực. Vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau, không ai quan tâm đến ai, ông và bà T từ lâu không có tiếng nói chung, đã sống ly thân hơn 20 năm và không ở chung nhà với nhau 6 năm. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm và không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/9/1986; Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 24/9/1991. Hiện hai con chung đã trưởng thành có gia đình riêng.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh S kết hôn năm 1986, đăng ký tại UBND xã Lương S thành phố Thái Nguyên (nay là phường Lương S) thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, trước khi kết hôn có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung là Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/9/1986; Nguyễn Thanh Bình, sinh ngày 24/9/1991. Hiện hai con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng. Bà và ông S không có mâu thuẫn gì lớn, nay ông S làm đơn xin ly hôn bà không nhất trí ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không nhất trí ly hôn nên không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà T đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là bà Phạm Thị T. Bị đơn đang cư trú và sinh sống tại tổ dân phố N, phường Lương S, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên

tòa nhưng bà T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S và bà Phạm Thị T kết hôn năm 1986, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm về nhiều lĩnh vực trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân 6 năm nay. Tại phiên tòa ông S cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà T không muốn ly hôn nhưng trong thời gian khoảng 6 năm qua và kể từ khi ông S khởi kiện xin ly hôn đến nay bà T không có động thái gì thể hiện mong muốn đoàn tụ với ông S, không thuyết phục được ông S rút đơn quay về chung sống với bà. Hội đồng xét xử xét thấy ông S và bà T tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và đã sống ly thân 6 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai, đôi bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của ông S được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của ông S, cho ông Nguyễn Thanh S được ly hôn với bà Phạm Thị T.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu giải quyết, bà T không có ý kiến đề nghị gì, do vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh S đối với bà Phạm Thị T. Cho ông Nguyễn Thanh S được ly hôn với bà Phạm Thị T.

[2]. Về con chung: Đã trưởng thành.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thanh S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm

ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, biên lai thu số 0007928 ngày 04 tháng 5 năm 2020.

[5]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSC;
- Chi cục THADSTPSC;
- Các đương sự;
- UBND phường Lương S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Hữu Nhường**